zhì dìng

制订

Verb · to work out

Example Sentence

gōng sī zhèng zài zhì dìng míng nián de gōng zuò jì huà
公 司 正 在制 订 明 年 的 工 作计 划 。

The company is working out the work plan for next year.

Trace each character, then write the word on your own.

制 制 制 制 制 制 制 制 制 制 制

订 订 订 订 订 订 订